

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/8/2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Mai.

- Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng; Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Kiều Thị H, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6 TM, xã TX, huyện TT, TP. Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Kiều Văn V, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn PD 1, xã CK, huyện TT, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2023 cùng các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Kiều Thị H trình bày: Tôi và anh Kiều Văn V có thời gian tìm hiểu khoảng 05 tháng thì kết hôn, tổ chức cưới theo phong tục tại địa phương. Có đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/1999 tại UBND xã CK, huyện TT, TP. Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Việt thường xuyên đánh đập vợ con. Đến năm 2010 do không chịu đựng được nữa tôi phải chuyển ra ngoài để thuê nhà ở. Chúng tôi ly thân từ đó đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Việt.

Về con chung: Chúng tôi có 3 con chung là cháu Kiều Văn A, sinh ngày 20/11/2000, cháu Kiều Văn U, sinh ngày 02/4/2005, cháu Kiều Sỹ N, sinh ngày

05/6/2006. Do cháu VA, cháu U đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết việc nuôi con khi ly hôn đối với các cháu. Đối với cháu SN, tôi đề nghị Tòa án giao cháu N cho tôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2023, anh Kiều Văn V trình bày: Tôi đăng ký kết hôn với chị Kiều Thị H tại UBND xã CK vào ngày 26/11/1999 trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Chúng tôi có 3 con chung là cháu Kiều Vân A sinh ngày 20/11/2000, cháu Kiều Vân U sinh ngày 02/4/2005, cháu Kiều Sỹ N sinh ngày 05/6/2006. Quá trình chung sống chúng tôi phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Đến năm 2010 thì chị H bỏ đi khỏi nhà, chúng tôi ly thân từ đó đến nay.

Nay chị H xin ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn với lý do các con tôi đã lớn, còn phải dựng vợ gả chồng cho các cháu nên không muốn vợ chồng ly hôn. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H thì tôi cũng chấp nhận.

Về con chung, tôi đề nghị Tòa án giao cháu SN cho tôi nuôi dưỡng. Tôi không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Do tôi bị đau chân nên không tham gia tố tụng được, đề nghị Tòa án cho tôi vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại các biên bản làm việc ngày 20/7/2023, con chung của anh V, chị H là cháu Kiều Sỹ N cho biết: cháu không đồng ý để bố mẹ ly hôn và bỏ về, không đưa ra ý kiến của mình nguyện vọng ở cùng ai khi bố mẹ ly hôn nên Tòa án và chị H lập biên bản về sự việc nêu trên để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu giải quyết quan hệ: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện TT, thành phố Hà Nội. Do vậy Toà án nhân dân huyện TT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về Sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh Kiều Văn V đã đề nghị Tòa án cho vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án vì lý do sức khỏe. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện TT xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tính hợp pháp của hôn nhân: Chị Kiều Thị H và anh Kiều Văn V kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CK, huyện TT, thành phố Hà Nội ngày 26/11/1999, do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị H được xác định là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị H trình bày là do quá trình chung sống, vợ chồng tính tình không hợp và bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh V thường xuyên đánh đập vợ con. Anh V cũng thừa nhận do tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Anh chị đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng. Đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

2.3. Về con chung: Anh chị có ba con chung là cháu Kiều Văn A sinh ngày 20/11/2000, cháu Kiều Văn U sinh ngày 02/4/2005 và cháu Kiều Sỹ N sinh ngày 05/6/2006. Cả chị H và anh V đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu N và đều không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Song xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con và hoàn cảnh thực tế của hai bên. cháu N tuy đã trên 7 tuổi song không muốn bố mẹ ly hôn nên không có ý kiến gì khi Tòa án triệu tập đến làm việc. Tuy nhiên hiện tại cháu N vẫn đang ở cùng với chị H, để đảm bảo không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu nên tiếp tục giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh V trong thời gian chị H không yêu cầu.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

2.5. Về tài sản, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này. Nếu anh V và chị H có yêu cầu thì giành quyền khởi kiện cho anh chị bằng một vụ kiện dân sự khác.

2.6. Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 25, 39, 147, 227, 243, 245, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Kiều Thị H. Chị Kiều Thị H được ly hôn anh Kiều Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Sỹ N, sinh ngày 05/6/2006 cho chị Kiều Thị Hằng H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V trong thời gian chị H không yêu cầu.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản, công sức, nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0025985 ngày 07 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TT, Thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã CK, huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thiết